

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Dự án/Dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư tiêu hao, vật tư thay thế phục vụ công tác đại tu tổ máy GT12 PM1.
- Thời gian thực hiện dự án: Dự kiến từ tháng 11/2025.
- Tên gói thầu: Cung cấp vật tư tiêu hao, vật tư thay thế phục vụ công tác đại tu tổ máy GT12 PM1.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Hàng đã được bốc dỡ khỏi phương tiện vận chuyển và giao tại Kho vật tư của Chủ đầu tư tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian thực hiện gói thầu (được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày nghiệm thu hoàn thành công việc): Trong vòng 29 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó thời gian giao hàng trong vòng 14 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Stt	Quy cách vật tư	Đvt	Số lượng
1	Vòng đệm Oring chịu nhiệt >200oC; OD55xCS3.5mm; chất liệu: FPM-VITON hoặc tương đương	Cái	4
2	Băng keo giấy bản lớn 5cm, dày 10mm	Cuộn	50
3	Vòng đệm O-ring NBR Ø147x3 mm	Cái	1
4	Vòng đệm O-ring NBR Ø158x3,5 mm	Cái	1
5	Băng keo giấy 2,5cm	Cuộn	15
6	Vòng đệm O-ring Ø300x3,5mm	Cái	2
7	Vòng đệm O-ring Ø42x3,5mm	Cái	1
8	Vòng đệm O-ring Ø430x3,5mm	Cái	1
9	Vòng đệm O-ring Ø95x3mm	Cái	6
10	Pin tiêu 1,5V -2A	Cặp	70
11	Đệm làm kín Spiral Wound Gasket 18" - 300 Vật liệu vòng trong, vòng ngoài: SUS 304. Vật liệu mặt làm kín: graphite.	Cái	3

Stt	Quy cách vật tư	Đvt	Số lượng
12	Đệm làm kín Spiral wound gasket 3"- class 300, vật liệu vòng trong, vòng ngoài SUS304, vật liệu mặt làm kín: graphite	Cái	6
13	Đệm làm kín Spiral wound gasket 1"-300, vật liệu vòng trong, vòng ngoài SUS304, vật liệu mặt làm kín: graphite	Cái	2
14	Vòng đệm O-ring vuông 8,5 x 2mm Viton75 (50 cái/ bịch) P/N: ORV852 hoặc tương đương SKU: 50020372 BATCH: A4G85FJ20	Bịch	1
15	Bóng đèn 14W (compact ánh sáng trắng)	Cái	10
16	Đầu nối nhanh nitto 20PM	Cái	5
17	Đầu nối nhanh nitto 40PM	Cái	2
18	Đồng đỏ Ø12 mm (01 mét/cây)	Cây	2
19	Đồng đỏ Ø20 mm (01 mét/cây)	Cây	2
20	Đồng đỏ Ø40 mm (01 mét/cây)	Cây	2
21	Đồng đỏ Ø50 mm (01 mét/cây)	Cây	2
22	Bàn chải sắt cán gỗ 5 hàng	Cái	30
23	Pin tiêu 1,5V -3A	Cặp	60
24	Bàn chải sắt có cán gỗ 7 hàng	Cái	55
25	Bàn chải thau có cán gỗ 7 hàng	Cái	65
26	Băng kín răng ống PTFE thread seal tape 0.075mmx1/2"x10m	Cuộn	39
27	Bạt che thiết bị (4m x 6m, mặt xanh, mặt vàng) có bầm lỗ quanh viền	Tám	18
28	Bét cát plasma P80 size 1.5mm (gồm 02 phần đầu to và đầu nhỏ)	Bộ	15
29	Bịch nylon có khóa ở miệng kích thước loại 0,5 kg	Kg	2
30	Bịch nylon có khóa ở miệng kích thước loại 1,0 kg	Kg	2
31	Bịch nylon có khóa ở miệng kích thước loại 2,0 kg	Kg	7

Stt	Quy cách vật tư	Đvt	Số lượng
32	Bịch nylon có khóa ở miệng kích thước loại 3,0 kg	Kg	9
33	Bịch nylon có khóa ở miệng kích thước loại 5,0 kg	Kg	7
34	Bịt tai chống ồn loại 3M 1290	Cặp	80
35	Bột mì trắng	Kg	60
36	Can nhựa 10 lít	Cái	6
37	Can nhựa 20 lít	Cái	5
38	Chụp sứ số 6	Cái	10
39	Chụp sứ số 8	Cái	20
40	Cọ sơn 10cm	Cái	10
41	Cọ sơn 2 cm	Cái	50
42	Cọ sơn 5cm	Cái	45
43	Con lăn sơn 10 cm	Cái	15
44	Pin vuông 9v	Viên	25
45	Đá cắt Ø125xØ22.23x1.6mm	Viên	185
46	Đá cắt Ø180xØ22.23x2mm	Viên	30
47	Đá giấy nhám xếp Ø100x16mm, Grit 240	Viên	15
48	Đá mài giấy nhám Ø125; Grit P180	Viên	20
49	Dây cảnh báo an toàn màu trắng đỏ, bản 5cm	Cuộn	15
50	Dây dù bản 1,5cm màu xanh	M	100
51	Dây dù màu xanh mềm đk 6mm	M	100
52	Dây nhựa thắt bó cấp 2 x 100mm, 100 sợi/ gói	Gói	8
53	Dây nhựa thắt bó cấp 4 x 200mm, 100 sợi/ gói	Gói	10
54	Dây nhựa thắt bó cấp 8 x 400mm, 100 sợi/ gói	Gói	10

Stt	Quy cách vật tư	Đvt	Số lượng
55	Đuôi chôn thau Ø10mm	Cái	15
56	Đuôi chôn thau Ø15mm	Cái	15
57	Đuôi chôn thau Ø20 mm	Cái	15
58	Đuôi chôn thau Ø22 mm	Cái	40
59	Chổi đuôi chôn vệ sinh đường ống sợi đồng thau, đường kính chổi 30mm, tổng chiều dài 170mm, chiều dài phần chổi 100mm; kết nối ren ngoài M12	Cái	100
60	Găng tay cao su RNF15; size XL	Đôi	45
61	Găng tay đa dụng 3M, chất liệu Nylon, cotton, phủ lớp Nitrile Rubber; Size: L	Đôi	220
62	Găng tay da hàn điện WELDAS hoặc tương đương	Đôi	1
63	Giấy nhám cuộn KAJ35 AA-180, kích thước: 8"x50 yard;	Cuộn	4
64	Giấy nhám cuộn KAJ35 AA-600, kích thước: 8"x50 yard;	Cuộn	2
65	Hạt hút ẩm: Activated Alumina DesiccantSize: dạng hạt 1/8" (3-5mm) Khối lượng: 1 thùng 25LBS (11.36kg) Part number: 33-0237	Thùng	1
66	Bột giặt Omo	Kg	31
67	Kìm kẹp mát 500A	Cái	7
68	Kìm hàn điện 500A	Cái	7
69	Kính hàn số 10 (kính đen)	Cái	10
70	Kính hàn số 11 (kính đen)	Cái	10
71	Ống ghen chịu nhiệt Ø3	M	20
72	Ống ghen chịu nhiệt Ø4	M	20
73	Ống nhựa lưới dẻo PVC Ø21mm	M	100
74	Nước rửa chén 725ml/ chai (750gr/chai)	Chai	62

Stt	Quy cách vật tư	Đvt	Số lượng
75	Vải cotton trắng (chất liệu thấm nước, thấm dầu tốt, nguyên trong bó, không vụn rời)	Kg	20
76	Chổi than máy mài Ø125	Đôi	30
77	Bu lông lục giác Hex. Bolt Inox M12x20mm (gồm bulong + đai ốc + lông đèn)	Bộ	90
78	Bu lông Inox M8x16mm (gồm bulong + lông đèn vênh + đai ốc)	Bộ	70
79	Bu lông Inox M8x20mm (gồm bulong + lông đèn vênh + đai ốc)	Bộ	150
80	Bu lông Inox 304 M8x50mm (gồm Bulong + 02 đai ốc)	Bộ	50
81	Cát xoáy rà van, độ hạt 1000 (450 gram/hộp)	Hộp	1
82	Cát xoáy rà van, độ hạt 280 (450 gram/hộp)	Hộp	1
83	Chai tẩy rửa (Remover) SKC-S, 300gr/450ml	Chai	103
84	Chai thấm lỏng (Penetrant) SKL SP2, 300gr/450ml hoặc tương đương	Chai	22
85	Chai thử từ tính loại huỳnh quang 14HF, 300gr/450ml	Chai	40
86	Chai thuốc hiện SKD-S2, 300gr/450ml	Chai	72
87	Chất làm kín Parmatex Aviation Form-A-Gasket (Sealant Liquid 80017), 473ml hoặc tương đương	Hộp	7
88	Chất tẩy rửa thinner (có can nhựa)	Lít	180
89	Dao vai phải hàn sẵn mảnh hợp kim Mã:296825 #16 hoặc tương đương	Cái	6
90	Dầu hỏa (có can)	Lít	230
91	Dây điện đôi 2 lớp vỏ 2x2,5mm ²	M	100
92	Dây Inox 304 mềm Ø1mm	Kg	13
93	Dây Inox 304 mềm Ø2mm	Kg	5
94	Đinh rút rivet nhôm Ø3.2 mm	Kg	2

Stt	Quy cách vật tư	Đvt	Số lượng
95	Vải lau trắng (chất liệu thấm nước, thấm dầu tốt, nguyên trong bó, không vụn rời)	Kg	230
96	Đồ bảo hộ bảo ôn DUPONT TYVEK 400; Size L	Bộ	52
97	Đinh rút rivet nhôm Ø4mm	Kg	2
98	Đinh rút rivet nhôm Ø5mm	Kg	1
99	Dung dịch Aceton (có can)	Lít	100
100	Bu lông ren suốt Stud Bolt Inox M16x60mm (gồm bulong + 02 đai ốc + 02 lông đền)	Bộ	130
101	Kem đánh bóng (100g/hộp)	Hộp	11
102	Keo dán sắt 502 (10ml/hộp)	Hộp	31
103	Keo dog (X66) 600ml/hộp	Hộp	3
104	Keo silicon A500 (300g/tuýp)	Tuýp	24
105	Keo silicone đỏ 650oF (85gram/tuýp)	Tuýp	49
106	Kim may bảo ôn dài 100mm	Cây	10
107	Kim may bảo ôn dài 200mm	Cây	10
108	Keo Loctite 648 (50ml/tuýp) hoặc tương đương	Tuýp	1
109	Lưỡi cưa sắt 24 răng Stanley 20-176	Cái	10
110	Mỡ tra Vòng bi SKF LGMT 3/1 (1kg/hộp), 120 độ C hoặc tương đương	Hộp	10
111	Mỡ trung tính bôi cọc bình accu (COPPER ANTI-SEIZE COMPOUND 500g)	Tuýp	3
112	Mỡ tra Vòng bi SKF LGHP 2/1 (1kg/hộp)	Hộp	5
113	Mỡ Molykote P37, chịu nhiệt độ tối đa 1400 độ C (450-500g / hộp) hoặc tương đương	Hộp	26
114	Que hàn điện 308 Ø3.2mm	Kg	40
115	Que hàn điện 309 Ø3.2mm	Kg	20
116	Que hàn điện LB52 Ø3.2mm	Kg	50

Stt	Quy cách vật tư	Đvt	Số lượng
117	Que thổi cực than Ø6mm	Cây	50
118	Que hàn tig 309 Ø2.4 mm	Kg	5
119	Sơn bạc chịu nhiệt 6006	Kg	205
120	Sơn Expo 910 (Màu xám) hoặc tương đương	Kg	30
121	Sơn Epoxy 2 thành phần màu xanh dương (9300 - Caribbean Blue SM6935 RAL5019) hoặc tương đương	Kg	10
122	Sơn Expo 303 hoặc tương đương	Kg	20
123	Sơn xám bình xịt A215 (400ml/chai)	Chai	7
124	Sơn Expo 680 hoặc tương đương	Kg	10
125	Thanh ren thép 8.8; M10x1000mm (gồm thanh ren + 02 đai ốc + 02 lông đên)	Bộ	6
126	Thanh ren thép 8.8; M12x1000mm (gồm thanh ren + 02 đai ốc + 02 lông đên)	Bộ	6

Ghi chú: Nhà thầu cần lưu ý các nội dung sau:

- Đối với các trường hợp quy định "hoặc tương đương" nhà thầu có thể chào loại có tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu nhưng phải đảm bảo phù hợp với nhu cầu sử dụng của chủ đầu tư. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật, các chứng chỉ cần thiết, có bảng phân tích đặc tính kỹ thuật tương đương giữa mặt hàng yêu cầu và mặt hàng được chọn thay thế để chứng minh hàng do nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Hàng hóa có quy cách tương đương là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng tương đương với loại hàng hóa đã nêu.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Chất lượng hàng hóa và tiêu chuẩn kỹ thuật:

Nhà thầu cam kết:

- Hàng mới 100% theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà sản xuất.
- Hàng hoá được bảo quản theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.
- Hạn sử dụng: 4 năm kể từ ngày giao hàng đối với mục 83, 84, 86.
- Hạn sử dụng: 3 năm kể từ ngày giao hàng đối với mục 85.

1.3.2. Tính hợp lệ của hàng hoá:

* Về xuất xứ hàng hóa: Nhà thầu chào hàng hóa phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Xuất xứ được hiểu là Quốc gia (Nước) hoặc nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ. Trường

hợp nhà thầu chào không có xuất xứ cụ thể E-HSDT của nhà thầu sẽ không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Mục 3 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E-HSMT.

* Về nhãn hiệu, hãng sản xuất: Trường hợp hàng hóa chào không nêu rõ nhãn hiệu hoặc hãng sản xuất thì hàng hóa đó không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Mục 3 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E-HSMT.

Tất cả hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Vì vậy, nhà thầu phải nêu rõ hàng hóa được chào hàng do hãng sản xuất nào cung cấp, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa và cam kết cung cấp các chứng từ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa trong trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký hợp đồng cung cấp chính thức bao gồm:

- Tài liệu, bản vẽ kỹ thuật hoặc hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.
- Chứng chỉ xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất/xuất khẩu cấp (nếu là hàng nhập khẩu: *Bản gốc hoặc bản liên 2 (bản đóng dấu "Copy" của cơ quan có thẩm quyền cấp) hoặc bản điện tử được phát hành hợp lệ hoặc bản sao y được công chứng bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của nhà thầu.*
- Chứng chỉ chất lượng (hoặc chứng chỉ khác có giá trị tương đương) do Nhà sản xuất/Văn phòng đại diện của Nhà sản xuất cấp: *Bản gốc hoặc bản điện tử được phát hành hợp lệ hoặc bản sao y được công chứng bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của nhà thầu.*
- Tờ khai hải quan và bảng liệt kê chi tiết hàng hóa đính kèm (nếu là hàng nhập khẩu): *Bản sao đóng dấu nhà thầu, có thể hiện đầy đủ thông tin số tờ khai.*
- Chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu và/hoặc thuế giá trị gia tăng do cơ quan chức năng phát hành (nếu có) nếu là hàng nhập khẩu.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ.